

Số: /2025/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm thuộc nguồn kinh phí: sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (gọi chung là các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường) do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường đảm bảo không thấp hơn quy định của Trung ương.

2. Các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phải đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền và quyết toán kinh phí đã sử dụng; thực hiện chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường

Nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường chi từ ngân sách tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

Điều 5. Mức chi

Mức chi thực hiện các nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quy định về hướng dẫn sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các quy định tài chính khác có liên quan.

Điều 6. Lập, thẩm định và giao dự toán

1. Lập dự toán

a) Định kỳ quý III hàng năm, căn cứ các quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (nếu có) và chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường quy định tại Điều 4 Quyết định này và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, lập dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm sau tại cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp gửi Sở Tài chính cân đối từ nguồn ngân sách chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

3. UBND các xã, phường, đặc khu căn cứ nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường quy định tại Điều 4 Quyết định này và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, lập dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm sau tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp và cân đối từ nguồn ngân sách chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.

2. Thẩm định, phê duyệt dự toán

Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Phân bổ và giao dự toán

Căn cứ Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh phân bổ và giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách cấp tỉnh cho các đơn vị sử dụng ngân sách; UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo phòng chuyên môn tham mưu trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự toán, tham mưu phân bổ và giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách cấp xã trình UBND xã, phường, đặc khu phê duyệt.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Tổng hợp nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh gửi Sở Tài chính xem xét, cân đối từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Chủ trì tổng hợp, tham mưu thẩm định và phê duyệt dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tham mưu phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách cấp xã.

b) Bố trí ngân sách chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định.

4. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan;

b) Đối với các nhiệm vụ (đề án, dự án, chương trình, kế hoạch, quy chế,...) thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan: căn cứ Quyết định phân bổ và giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ xây dựng đề cương, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí, trình UBND tỉnh phê duyệt; quyết định phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí của UBND tỉnh là cơ sở để các cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện;

c) Đối với các nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường khác: căn cứ quyết định phân bổ và giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị tự cân đối kinh phí, chủ trì tổ chức lập và phê duyệt nội dung triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo không vượt dự toán được giao.

d) Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thực hiện thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan; gửi báo cáo quyết toán kinh phí về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi, giám sát;

đ) Các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo dự toán được giao, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh để được xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thống nhất tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành danh mục nhiệm vụ nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Trường hợp các căn cứ áp dụng và các văn bản liên quan thi hành Quyết định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo các văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Khánh Hòa;
- Lưu: VT, TL, Hle.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền